

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG  
ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực 85.96, Quyền số 1-SCT/BS  
Ngày 28 tháng 5 năm 2018  
**CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Minh Tâm*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**



---

*Thành phố Cao Lãnh, tháng 08 năm 2018*

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 44

---



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.


Công ty là Công ty mẹ của Công ty con được trình bày tại thuyết minh số 13 và Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và Công ty con ("Nhóm Công ty") cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cùng kỳ kế toán để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

  
Nguyễn Văn Đệ  
Tổng Giám đốc

Tp.Cao Lãnh, ngày 15 tháng 08 năm 2018



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ Đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 08 năm 2018, từ trang 7 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được Bảng theo dõi chi tiết Tài sản cố định của Công ty phù hợp với số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018. Theo đó, chúng tôi cũng không đủ cơ sở để ước tính chi phí khấu hao tài sản cố định đã được hạch toán trong kỳ. Vì vậy, chúng tôi chưa có cơ sở để đánh giá khoản mục này cũng như xác định những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018 của Công ty.

Tại ngày 30/06/2018, Công ty theo dõi tài sản cố định là 09 xe ép rác và 01 xe chở rác mà Công ty đang sử dụng với tổng giá trị nguyên giá là 14.354.692.350 đồng, số khấu hao trong 06 tháng đầu năm 2018 là 1.025.335.170 đồng, hao mòn lũy kế đến ngày 30/06/2018 là 3.807.925.026 đồng. Chúng tôi chưa thu thập được hồ sơ pháp lý về quyền sở hữu của Công ty với các Tài sản cố định trên. Theo đó, việc ghi nhận và trích khấu hao các tài sản này là chưa phù hợp với các quy định hiện hành.



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (tiếp)

Tại ngày 30/06/2018, Công ty đang theo dõi công nợ phải trả nhà nước liên quan đến các công trình xây dựng từ nguồn vốn đối ứng và vốn ODA là 293.440.294.349 đồng trên chi tiêu Phải trả ngắn hạn khác (MS 319). Bản chất khoản công nợ phải trả này theo dõi nguồn vốn ODA và nguồn vốn đối ứng Ngân sách Nhà nước để xây dựng các công trình cấp thoát nước và xử lý rác thải mà sau khi hoàn thành sẽ bàn giao lại cho các cơ quan Nhà nước tiếp quản. Tuy nhiên, khoản công nợ này không thể xác nhận được do đây là số dư lũy kế từ nhiều năm trước và Công ty không theo dõi riêng biệt gốc ngoại tệ và VND cho các lần nhận vốn tài trợ. Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho chúng tôi cơ sở để đánh giá khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, số dư các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2018 và tại ngày 30/06/2018 chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ. Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho chúng tôi cơ sở để đánh giá các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính. Cụ thể các khoản mục sau:

<u>Khoản mục</u>	<u>Mã số</u>	<u>Tại 01/01/2018</u>	<u>Tại 30/06/2018</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	1.009.996.500	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	-	1.808.146.745
Phải trả ngắn hạn khác	319	16.590.719.466	17.523.320.554

### Kết luận ngoại trừ

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở của kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tại ngày 30/06/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 20.5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng: theo Công văn số 2429/BTC-TCĐN của Bộ Tài chính ngày 05/03/2018 về việc bàn giao lại dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Tp.Cao Lãnh cho chủ sở hữu là Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại thời điểm 01/01/2016 với số tiền 96.394.197.809 đồng, đồng thời làm cơ sở điều chỉnh tỷ lệ phần vốn Nhà nước và vốn điều lệ tại Công ty. Ngày 29/06/2018, Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Công văn số 1445/STC-TCĐN về việc điều chỉnh vốn điều lệ và quyết toán quá trình cổ phần hóa và căn cứ Quyết định số 765/QĐ-UBND-HC của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp ngày 09/07/2018 về việc Công bố giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa, Công ty đã điều chỉnh giảm vốn điều lệ với giá trị là 96.394.200.000 đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang trong quá trình xây dựng các tài sản trên và sẽ bàn giao cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp khi hoàn thành.

Như được nêu tại mục 32.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng: Ngày 07/06/2018, Thanh tra Tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Quyết định số 480/QĐ-TTr về việc thanh tra việc thực hiện cổ phần hóa từ năm 2015 đến năm 2017 tại Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty chưa nhận được kết luận thanh tra. Theo đó, Công ty chưa xác định được những điều chỉnh (nếu có) trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

### Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp)

Bên cạnh đó, chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 1.7 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng: Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần từ Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp từ ngày 26/04/2017. Theo đó, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 26/04/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty. Các số liệu này được trình bày nhằm mục đích cung cấp bổ sung thông tin và không hoàn toàn so sánh được do không có sự đồng nhất về kỳ kế toán.

Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến mục 32.3 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng: Tại ngày 30/06/2018, khoản nợ ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán (sau khi trừ các khoản phải trả bằng dự án và tài sản dài hạn khác) đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 6.580.022.765 đồng. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Theo đó, Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 vẫn được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục số 13 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng: Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con (“Nhóm Công ty”) cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 26/04/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty chưa được thực hiện soát xét.



vấn đề cần nhấn mạnh và vấn đề khác không làm thay đổi kết luận soát xét đã trình bày.

**Lương Ngô Bảo Trân**

**Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

số 1828-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2018*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2018	Tại 01/01/2018
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>107.143.706.157</b>	<b>120.923.827.792</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	61.358.344.733	60.631.276.375
Tiền	111		61.358.344.733	60.631.276.375
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.253.495.645	26.194.131.415
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	11.990.216.423	18.393.884.055
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.347.603.000	1.383.340.500
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.661.737.176	7.157.795.657
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(746.060.954)	(746.060.954)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	5.172.157
Hàng tồn kho	140	9	26.332.642.248	33.260.867.134
Hàng tồn kho	141		26.332.642.248	33.260.867.134
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.199.223.531	837.552.868
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	1.199.223.531	837.552.868
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>772.762.916.676</b>	<b>762.901.932.374</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		407.502.027.402	411.221.094.805
Tài sản cố định hữu hình	221	10	407.315.029.288	409.637.197.850
- Nguyên giá	222		613.855.936.484	591.808.325.741
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(206.540.907.196)	(182.171.127.891)
Tài sản cố định vô hình	227	11	186.998.114	1.583.896.955
- Nguyên giá	228		1.176.788.863	2.657.748.213
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(989.790.749)	(1.073.851.258)
Tài sản dở dang dài hạn	240		352.080.686.604	339.553.603.932
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	352.080.686.604	339.553.603.932
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	2.084.067.000	2.084.040.000
Đầu tư vào công ty con	251		2.000.027.000	-
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		84.040.000	2.084.040.000
Tài sản dài hạn khác	260		11.096.135.670	10.043.193.637
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	11.096.135.670	10.043.193.637
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>879.906.622.833</b>	<b>883.825.760.166</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2018	Tại 01/01/2018
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>607.477.099.445</b>	<b>515.723.024.376</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>454.627.935.850</b>	<b>360.034.008.853</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	31.458.009.755	78.481.748.864
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.759.736.445	2.053.630.768
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.419.566.839	3.506.771.520
Phải trả người lao động	314		13.599.462.117	29.799.645.660
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	2.769.441.562	3.224.686.086
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	369.077.640.231	209.622.125.290
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	27.790.383.568	29.977.128.288
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.753.695.333	3.368.272.377
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>152.849.163.595</b>	<b>155.689.015.523</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	148.672.379.487	151.921.314.237
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		4.176.784.108	3.767.701.286
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>272.429.523.388</b>	<b>368.102.735.790</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>272.329.780.153</b>	<b>367.993.516.513</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		259.181.300.000	355.575.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		259.181.300.000	355.575.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		4.718.846.275	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.429.633.878	12.418.016.513
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.429.633.878	12.418.016.513
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		99.743.235	109.219.277
Nguồn kinh phí	431	21	99.743.235	109.219.277
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>879.906.622.833</b>	<b>883.825.760.166</b>

Tp.Cao Lãnh, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu



Hoàng Quốc Hưng

Kế toán trưởng



Phạm Chí Thúc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đễ



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 26/04/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	130.333.703.872	40.705.267.726
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		130.333.703.872	40.705.267.726
Giá vốn hàng bán	11	23	84.087.758.652	26.712.698.477
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46.245.945.220	13.992.569.249
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	59.946.170	35.221.702
Chi phí tài chính	22	25	2.508.654.338	537.552.242
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.508.654.338	537.552.242
Chi phí bán hàng	25	26	22.130.756.793	6.845.640.213
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	12.459.857.292	4.100.905.338
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.206.622.967	2.543.693.158
Thu nhập khác	31	27	246.138.443	51.077.021
Chi phí khác	32	28	84.038.932	17.217.712
Lợi nhuận khác	40		162.099.511	33.859.309
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.368.722.478	2.577.552.467
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	939.088.600	511.510.493
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.429.633.878	2.066.041.974

Người lập biểu

Hoàng Quốc Hưng

Kế toán trưởng

Phạm Chí Thúc

Tp.Cao Lãnh, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đê



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

*Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 26/04/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		9.368.722.478	2.577.552.467
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCD và BĐSĐT	02		24.387.800.953	7.464.263.605
(Lãi)/ lỗ hoạt động đầu tư	05		(129.946.170)	(35.221.702)
Chi phí lãi vay	06		2.508.654.338	537.552.242
Các điều chỉnh khác	07		700.000.000	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>36.835.231.599</b>	<b>10.544.146.612</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		7.575.825.107	51.322.399.217
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		6.928.224.886	9.098.405.261
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(19.473.263.982)	(55.689.604.356)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		325.935.160	244.927.071
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.508.654.338)	(731.336.235)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.110.000.000)	(750.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		75.240.124	346.750.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(930.129.544)	(295.013.734)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>27.718.409.012</b>	<b>14.090.673.836</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21		(21.685.580.354)	(21.484.652.709)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác	22		70.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(27.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		59.946.170	35.221.702
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(21.555.661.184)</b>	<b>(21.449.431.007)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 26/04/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		13.192.837.000	9.281.308.497
Tiền trả nợ gốc vay	34		(18.628.516.470)	(5.227.800.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.435.679.470)</b>	<b>4.053.508.497</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>727.068.358</b>	<b>(3.305.248.674)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>60.631.276.375</b>	<b>50.124.562.464</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>61.358.344.733</b>	<b>46.819.313.790</b>

Tp.Cao Lãnh, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Hoàng Quốc Hưng

Kế toán trưởng

Phạm Chí Thức

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đễ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần từ ngày 26/04/2017 theo Quyết định số 1546/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 30/06/2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 259.181.300.000 đồng chia thành 25.918.130 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại số 01, Đường Tôn Đức Thắng, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, cung cấp nước sạch, thu gom rác thải và các dịch vụ môi trường, tư vấn khác trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

**1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, sản phẩm ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Dịch vụ mai táng, xây mộ, chăm sóc mộ, trồng hoa kiểng;
- Xây dựng, khai thác, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đô thị, nông thôn (cầu đường, thoát nước vỉa hè, công viên cây xanh, điện chiếu sáng công cộng, nghĩa trang nhân dân, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải);
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghệ thủy lợi;
- Tư vấn xây dựng;
- Khảo sát địa chất công trình;
- Khảo sát địa chất thủy văn;
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật;
- Giám sát công trình dân dụng công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật, lĩnh vực lắp thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện;
- Thiết kế công trình cấp thoát nước;
- Dịch vụ vệ sinh cơ quan, hộ gia đình;
- Dịch vụ hút hầm cầu, vận chuyển phế liệu xây dựng, vận chuyển, di dời đồ đạc cơ quan, gia đình, công trình xây dựng;
- Chăm sóc cây kiểng cơ quan, hộ gia đình;
- Vườn ươm cây;
- Sản xuất, mua bán nước uống đóng chai, đóng bình;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty có chu kỳ quay vòng thường xuyên và liên tục trong tháng.

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch và cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý rác thải. Yếu tố chính sách về đơn giá tiền nước, đơn giá thu gom rác thải, thuế tài nguyên, chính sách khuyến khích ưu đãi của địa phương và của nhà nước thay đổi theo từng thời kỳ có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**1.6 CẤU TRÚC CÔNG TY**

Công ty có Công ty con là Công ty TNHH Nước Đông Bình từ ngày 29/03/2018.

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Theo NQ 02 của ĐHCĐ ngày 05/06/2018
Chi nhánh Cấp nước số 1	Số 207b, Trần Hưng Đạo, phường 1, TP. Sa Đéc, Đồng Tháp	Đổi tên thành Chi nhánh cấp nước Nam Sông Tiền
Chi nhánh Cấp nước số 2	01, Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	Đổi tên thành Chi nhánh cấp nước Bắc Sông Tiền
Chi nhánh Cấp nước số 3	Khóm Tân Đông A, thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp	Chấm dứt hoạt động chi nhánh 03
Chi nhánh Cấp nước số 4	Quốc lộ 30, phường An Lộc, thị xã Hồng Ngự, Đồng Tháp	Đổi tên thành Chi nhánh cấp nước Tây Bắc Sông Tiền
Chi nhánh Cấp nước số 5	Quốc lộ 80, Thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	Chấm dứt hoạt động chi nhánh 05
Chi nhánh Cấp nước số 6	Đường Hùng Vương, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp	Chấm dứt hoạt động chi nhánh 06
Chi nhánh Xây dựng và Vật tư	Số 01, Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	
Chi nhánh Dịch vụ Môi Trường	15/4, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.6 CẤU TRÚC CÔNG TY (TIẾP)**

Tên đơn vị	Địa chỉ	Theo NQ 02 của ĐHDCCD ngày 05/06/2018
Chi nhánh Tư vấn Xây dựng và Cấp nước	01, Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	
Chi nhánh Nước Đóng chai DOWASEN	01, Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 26/04/2017 đến ngày 30/06/2017. Các số liệu này được trình bày nhằm mục đích cung cấp bổ sung thông tin và không hoàn toàn so sánh được do không có sự đồng nhất về kỳ kế toán.

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 26/04/2017 đến 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán.

**2 KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 26/04/2017 đến ngày 30/06/2017.

**4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

**4.4 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.4 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP)**

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

<b>Nhóm tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	03 – 20
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10

**4.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các công cụ dụng cụ và các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh khác có thời hạn phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

**4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

**4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **4.9 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH, GIÁ VỐN**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 4.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 4.11 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được hưởng một số ưu đãi thuế suất và miễn giảm thuế theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 của Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt và thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động theo Công văn 2506/CT-TTHT ngày 26/10/2017 của Cục thuế tỉnh Đồng Tháp.
- Đối với khoản thu nhập thuộc lĩnh vực kinh doanh thông thường, lĩnh vực hoạt động tài chính, thu nhập khác được áp dụng với mức thuế suất thông thường.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 4.13 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

##### Công cụ tài chính phức hợp

Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty không phát sinh cũng như không có số dư cần được trình bày và công bố theo yêu cầu của công cụ tài chính phức hợp.

#### 4.14 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó bên liên quan của Công ty là Công ty TNHH Nước Đông Bình, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	1.793.718.803	932.384.620
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	59.564.625.930	59.698.891.755
<b>Cộng</b>	<b>61.358.344.733</b>	<b>60.631.276.375</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 30/06/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>11.990.216.423</b>	<b>18.393.884.055</b>
- Phải thu nước sinh hoạt	6.527.450.149	5.901.109.265
- UBND Phường An Hòa	14.181.000	283.611.000
- Ban QLDA đường vào KXL nước thải Phường 3-TP.Cao Lãnh	566.918.000	-
- Ban QL Công Trình Công Cộng TPCL	-	517.262.000
- Ban QLDA TP.Cao Lãnh	699.842.395	217.575.395
- Ông Bùi Duy Hiếu Lam	142.369.000	-
- Ông Phạm Minh Lý	171.905.600	161.302.400
- BQL Vùng 4 - Phường 1,2,3	156.526.000	-
- Phải Thu Tiền Phí Vệ Sinh Môi Trường Tam Nông	188.774.200	-
- Ban Quản Lý Chợ Thành Phố Cao Lãnh	-	1.057.276.000
- Ban Quản Lý Công Trình Công Cộng TPCL	-	3.379.341.000
- Ban Quản Lý Công Trình Đô Thị Thành Phố Sa Đéc	-	1.521.046.900
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.522.250.079	5.355.360.095
<b>b. Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-

**7. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN**

	Tại 30/06/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
<b>a. Trả trước người bán ngắn hạn</b>	<b>1.347.603.000</b>	<b>1.383.340.500</b>
- BQL Tuyển ống CN từ UBND xã Mỹ Đông - Cống Bản 3 - Tháp Mười	-	155.660.000
- Công ty TNHH ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa	-	192.000.000
- Công ty Cổ phần Du lịch Quốc Tế Sông Sen	343.200.000	-
- Công ty TNHH Hưng Hòa	229.135.000	211.392.000
- Các khoản trả trước cho người bán khác	775.268.000	824.288.500
<b>b. Trả trước người bán dài hạn</b>	-	-
<b>c. Trả trước người bán là các bên liên quan</b>	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 30/06/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	5.661.737.176	-	7.157.795.657	-
- Tạm ứng	5.253.269.836	-	5.549.618.062	-
- Ký cược, ký quỹ	15.589.000	-	15.589.000	-
- Phải thu thuế TNCN	-	-	536.528.125	-
- Phải thu phí nước thải	1.597.415	-	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	98.152.922	-	-	-
- UBND tỉnh bổ sung vốn điều lệ (*)	207.756.608	-	207.758.799	-
- Ban QLDA - Chi phí quản lý Dự án	21.761.127	-	834.552.688	-
- Phải thu khác	63.610.268	-	13.748.983	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.661.737.176</b>	<b>-</b>	<b>7.157.795.657</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là khoản chênh lệch thiếu giá trị phần vốn góp Nhà nước sau khi quyết toán cổ phần hóa so giá trị phần vốn góp đó tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo Công văn số 1445/STC-TCND ngày 29/06/2018 của Sở Tài chính Tỉnh Đồng Tháp về việc điều chỉnh vốn điều lệ và quyết toán quá trình cổ phần hóa.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 30/06/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.398.247.507	-	22.813.956.697	-
Công cụ, dụng cụ	357.810.931	-	339.633.739	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.460.784.845	-	10.047.446.856	-
Thành phẩm	95.803.509	-	59.829.842	-
Hàng hóa	19.995.456	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>26.332.642.248</b>	<b>-</b>	<b>33.260.867.134</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÓ THỊ ĐỒNG THÁP**  
Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại 01/01/2018	303.672.545.442	46.658.499.662	240.841.266.369	636.014.268	591.808.325.741
- Tăng do mua mới	-	215.121.269	584.909.091	152.372.727	952.403.087
- Đầu tư XDCB hoàn thành	7.984.094.945	735.537.479	12.375.575.232	-	21.095.207.656
Tại 30/06/2018	<u>311.656.640.387</u>	<u>47.609.158.410</u>	<u>253.801.750.692</u>	<u>788.386.995</u>	<u>613.855.936.484</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại 01/01/2018	(60.710.067.413)	(19.334.489.593)	(101.703.659.963)	(422.910.922)	(182.171.127.891)
- Khấu hao trong kỳ	(13.269.389.050)	(1.930.922.297)	(9.105.414.276)	(64.053.682)	(24.369.779.305)
Tại 30/06/2018	<u>(73.979.456.463)</u>	<u>(21.265.411.890)</u>	<u>(110.809.074.239)</u>	<u>(486.964.604)</u>	<u>(206.540.907.196)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2018	242.962.478.029	27.324.010.069	139.137.606.406	213.103.346	409.637.197.850
Tại 30/06/2018	<u>237.677.183.924</u>	<u>26.343.746.520</u>	<u>142.992.676.453</u>	<u>301.422.391</u>	<u>407.315.029.288</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2018 là 715.988.347 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	TSCĐ vô hình khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại 01/01/2018	1.480.959.350	312.088.000	864.700.863	2.657.748.213
- Giảm do phân loại lại	(1.480.959.350)	-	-	(1.480.959.350)
Tại 30/06/2018	-	312.088.000	864.700.863	1.176.788.863
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN</b>				
Tại 01/01/2018	(94.075.649)	(312.088.000)	(667.687.609)	(1.073.851.258)
- Khấu hao trong kỳ	(8.006.508)	-	(10.015.140)	(18.021.648)
- Giảm do phân loại lại	102.082.157	-	-	102.082.157
Tại 30/06/2018	-	(312.088.000)	(677.702.749)	(989.790.749)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2018	1.386.883.701	-	197.013.254	1.583.896.955
Tại 30/06/2018	-	-	186.998.114	186.998.114

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2018 là: 676.031.636 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Tại 30/06/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>352.080.686.604</b>	<b>352.080.686.604</b>	<b>339.553.603.932</b>	<b>339.553.603.932</b>
- Dự án Thoát nước và xử lý nước thải Tp.Cao Lãnh (*)	295.218.521.986	295.218.521.986	292.437.193.973	292.437.193.973
- Hệ thống cấp nước xã Thường Thới tiền - CS 3000m3/ngđ (*)	22.351.522.363	22.351.522.363	21.558.033.545	21.558.033.545
- Xây dựng TCN ngầm áp Phú Long. HM: Giếng khoan khai thác 70m3/h+trám lấp giếng hiện hữu, KDC Phú Long, Sa Đéc (*)	-	-	1.994.242.545	1.994.242.545
- CT:Đường nội bộ vào nhà máy XLR thải Cn và nguy hại.Hm:Nền, mặt đường, điện, chiếu sáng.DD: xã Mỹ Thọ, HCL.DT (*)	843.429.000	843.429.000	71.818.000	71.818.000
- Các công trình khác	33.667.213.255	33.667.213.255	23.492.315.869	23.492.315.869
<b>Cộng</b>	<b>352.080.686.604</b>	<b>352.080.686.604</b>	<b>339.553.603.932</b>	<b>339.553.603.932</b>

(\*) Các công trình trên được xây dựng trên hai nguồn vốn bao gồm nguồn vốn Ngân sách nhà nước và nguồn vốn ODA do Ngân hàng Tái Thiết Đức (KfW). Sau khi các công trình hoàn thành, Công ty sẽ thực hiện bàn giao lại tài sản cho đơn vị tiếp quản và sử dụng theo chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Tháp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**  
Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Tại 30/06/2018				Tại 01/01/2018			
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con		2.000.027.000	2.000.027.000	-		-	-	-
Công ty TNHH Nước Đồng Bình (*)	100,00%	2.000.027.000	2.000.027.000	-		-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác		84.040.000	84.040.000	-		2.084.040.000	2.084.040.000	-
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Cấp thoát nước và Môi trường	1,25%	84.040.000	84.040.000	-	1,25%	84.040.000	84.040.000	-
Công ty TNHH Nước Đồng Tháp (*)	-	-	-	-	11,5%	2.000.000.000	2.000.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>2.084.067.000</b>	<b>2.084.067.000</b>	<b>-</b>		<b>2.084.040.000</b>	<b>2.084.040.000</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày 29/03/2018, Công ty TNHH Nước Đồng Tháp chính thức đổi tên thành Công ty TNHH Nước Đồng Bình và trở thành Công ty con của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 100%.

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 30/06/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>11.096.135.670</b>	<b>10.043.193.637</b>
- Chi phí thuê quyền sử dụng đất	1.887.907.291	515.874.526
- Chi phí đầu tư hệ thống cấp nước	108.592.659	201.223.744
- Chi phí lắp đặt đồng hồ nước cho khách hàng	6.912.797.919	7.014.839.435
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.447.136.461	1.842.730.638
- Chi phí khác	739.701.340	468.525.294
<b>Cộng</b>	<b>11.096.135.670</b>	<b>10.043.193.637</b>



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÓ THỊ ĐỒNG THÁP**

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 30/06/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
- Liên danh GECPL - SFC Việt Nam	31.458.009.755	31.458.009.755	78.481.748.864	78.481.748.864
- Liên Đoàn Quy Hoạch & Điều Tra Tài Nguyên	20.477.049.516	20.477.049.516	67.300.795.724	67.300.795.724
- Liên Miền Nam	-	-	2.496.077.000	2.496.077.000
- Nước Miền Nam	10.980.960.239	10.980.960.239	8.684.876.140	8.684.876.140
- Các khoản phải trả người bán khác	-	-	-	-
<b>b. Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>				
- Các khoản phải trả người bán dài hạn	795.891.902	795.891.902	1.061.308.917	1.061.308.917
<b>c. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
- Công ty TNHH Nước Đồng Bình	795.891.902	795.891.902	1.061.308.917	1.061.308.917

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại 30/06/2018
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.659.752.141	3.974.679.595	4.998.043.364	636.388.372
Thuế thu nhập doanh nghiệp	360.061.931	939.088.600	1.110.000.000	189.150.531
Thuế thu nhập cá nhân	-	147.860.922	147.860.922	-
Thuế tài nguyên	412.579.175	2.499.116.172	2.481.156.695	430.538.652
Các loại thuế khác	-	22.000.000	22.000.000	-
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	1.074.378.273	6.772.325.930	6.683.214.919	1.163.489.284
<b>Cộng</b>	<b>3.506.771.520</b>	<b>14.355.071.219</b>	<b>15.442.275.900</b>	<b>2.419.566.839</b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập cá nhân	837.552.868	-	361.670.663	1.199.223.531
<b>Cộng</b>	<b>837.552.868</b>	<b>-</b>	<b>361.670.663</b>	<b>1.199.223.531</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 30/06/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
<b>a. Ngán hạn</b>		
- Trích trước chi phí xử lý rác thải sinh hoạt	1.274.379.256	2.053.548.819
- Chi phí lãi vay phải trả	116.760.968	116.760.968
- Trích tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	628.644.079	300.856.558
- Chi phí bảo vệ môi trường rừng	749.657.259	699.519.741
- Chi phí phải trả khác	-	54.000.000
<b>b. Dài hạn</b>		
-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.769.441.562</b>	<b>3.224.686.086</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**  
Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Hợp đồng	Đầu tư dự án	Số tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất
HĐ số 01/2011/HĐTD-QĐTPT	Dự án Mở rộng hệ thống cấp thoát nước huyện Cao Lãnh giai đoạn I	470.971.750	66 tháng	6%/năm
HĐ số 02/2013/HĐTD-QĐTPT ngày 19/07/2013	Dự án Mở rộng hệ thống cấp thoát nước huyện Cao Lãnh giai đoạn I	372.611.818	66 tháng	6%/năm
HĐ số 05/2013/HĐTD-QĐTPT ngày 23/12/2013	Dự án Xây dựng hệ thống cấp nước thị xã Hồng Ngự	20.433.702.000	8 năm	6%/năm
HĐ số 06/2013/HĐTD-QĐTPT ngày 31/12/2013	Dự án Xây dựng trạm xử lý nước sông Nha Môn huyện Châu Thành	4.914.611.000	7 năm	6%/năm
HĐ số 02/2014/HĐTD-QĐTPT ngày 28/03/2014	Dự án Trạm cấp nước tuyến dân cư thị trấn Lai Vung	1.225.005.000	6 năm	6%/năm
HĐ số 04/2014/HĐTD-QĐTPT ngày 27/06/2014	Dự án Hệ thống cấp nước xã Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự	4.691.272.000	8 năm	6%/năm
HĐ số 06/2014/HĐTD-QĐTPT ngày 26/12/2014	Dự án Trạm cấp nước KCN xã Mỹ Hiệp	2.950.000.000	8 năm	6%/năm
HĐ số 06/2015/HĐTD-QĐTPT ngày 26/10/2015	Dự án Hệ thống cấp nước xã Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự	1.738.285.000	8 năm	6%/năm
HĐ số 06/2017/HĐTD-QĐTPT ngày 14/06/2017	Dự án Mở rộng mạng lưới Cấp nước TP.Cao Lãnh	4.794.000.000	4 năm	6%/năm
HĐ số 07/2017/HĐTD-QĐTPT ngày 06/07/2017	Dự án Tuyến ống cấp nước truyền tải từ nhà máy nước mặt Đông Bình về TP.Cao Lãnh	23.293.000.000	6 năm	6%/năm
HĐ số 08/2017/HĐTD-QĐTPT ngày 17/07/2017	Dự án công trình nhà máy nước Đông Bình - công suất 5.000 m <sup>3</sup> / ngày đêm	20.548.000.000	8 năm	6%/năm
HĐ số 01/2018/HĐTD-QĐTPT ngày 25/01/2018	Dự án xây 02 giếng tại khu dân cư Phú Long, TP.Sa Đéc và xã Phương Trà, huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	2.527.000.000	4 năm	6%/năm
HĐ số 03/2018/HĐTD-QĐTPT ngày 28/05/2018	Dự án Công trình Nâng công suất nhà máy nước mặt huyện Cao Lãnh, GD 2 - công suất 2.400 m <sup>3</sup> / ngày đêm	7.326.000.000	8 năm	6%/năm
HĐ số 04/2018/HĐTD-QĐTPT ngày 29/05/2018	Dự án công trình nhà máy nước mặt Đông Bình - công suất 5.000 m <sup>3</sup> /ngày, đêm GD 2, tại xã Hòa An, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	5.459.000.000	8 năm	6%/năm
	<b>TỔNG</b>	<b>100.743.458.568</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Tại 30/06/2018		Tại 01/01/2018	
	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	VND
UBND tỉnh Đồng Tháp	85,60%	221.854.800.000	89,50%	318.249.000.000
Ông Phan Đình Hùng	0,41%	1.056.000.000	0,30%	1.056.000.000
Ông Nguyễn Văn Dề	0,22%	577.000.000	0,16%	577.000.000
Ông Nguyễn Thượng Vũ	0,20%	526.000.000	0,15%	526.000.000
Ông Nguyễn Anh Dũng	0,03%	80.000.000	0,02%	80.000.000
Ông Phạm Chí Thức	0,13%	339.000.000	0,10%	339.000.000
Cổ đông khác	13,41%	34.748.500.000	9,77%	34.748.500.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>259.181.300.000</b>	<b>100%</b>	<b>355.575.500.000</b>

**20.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 26/04/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	355.575.500.000	355.575.500.000
+ Vốn góp đầu kỳ	355.575.500.000	355.575.500.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	96.394.200.000	-
+ Vốn góp cuối kỳ	259.181.300.000	355.575.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.689.208.000	-

**20.3 CỔ PHIẾU**

	Tại 30/06/2018	Tại 01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.918.130	35.557.550
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.918.130	35.557.550
+ Cổ phiếu phổ thông	25.918.130	35.557.550
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.918.130	35.557.550
+ Cổ phiếu phổ thông	25.918.130	35.557.550
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**20.4 QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**

	Tại 30/06/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.718.846.275	-
<b>Cộng</b>	<b>4.718.846.275</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÓ THỊ ĐỒNG THÁP**  
Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.5 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	phát triển	sau thuế	
	VND	VND	chưa phân phối	VND
Tại 26/04/2017	355.575.500.000	-	-	355.575.500.000
- Lãi trong năm	-	-	12.418.016.513	12.418.016.513
Tại 31/12/2017	355.575.500.000	-	12.418.016.513	367.993.516.513
Tại 01/01/2018	355.575.500.000	-	12.418.016.513	367.993.516.513
- Điều chỉnh giảm vốn Nhà nước (*)	(96.394.200.000)	-	-	(96.394.200.000)
- Lãi trong kỳ này	-	-	8.429.633.878	8.429.633.878
- Phân phối lợi nhuận năm 2017 (**)	-	4.718.846.275	(12.418.016.513)	(7.699.170.238)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	4.718.846.275	(4.718.846.275)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.707.562.238)	(1.707.562.238)
+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	(302.400.000)	(302.400.000)
+ Chia cổ tức năm 2017	-	-	(5.689.208.000)	(5.689.208.000)
Tại 30/06/2018	259.181.300.000	4.718.846.275	8.429.633.878	272.329.780.153

(\*) Theo Công văn số 2429/BTC-TCDN của Bộ Tài chính ngày 05/03/2018 về việc bàn giao lại dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Tp.Cao Lãnh cho chủ sở hữu là Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại thời điểm 01/01/2016 với số tiền 96.394.197.809 đồng, đồng thời làm cơ sở điều chỉnh tỷ lệ phần vốn Nhà nước và vốn điều lệ tại Công ty. Ngày 29/06/2018, Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Công văn số 1445/STC-TCDN về việc điều chỉnh vốn điều lệ và quyết toán quá trình cổ phần hóa và căn cứ Quyết định số 765/QĐ-UBND-HC của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp ngày 09/07/2018 về việc công bố giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa, Công ty đã điều chỉnh giảm vốn điều lệ với giá trị là 96.394.200.000 đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang trình xây dựng các tài sản trên và sẽ bàn giao cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp khi hoàn thành.

(\*\*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/06/2018.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**21. NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP**

	Tại 30/06/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
Nguồn kinh phí đầu năm	109.219.277	147.327.556
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
Chi sự nghiệp	(9.476.042)	(38.108.279)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	<u>99.743.235</u>	<u>109.219.277</u>

**22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 26/04/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
<b>a. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>130.333.703.872</b>	<b>40.705.267.726</b>
Doanh thu bán hàng hóa	1.383.809.064	376.460.201
Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	107.596.000.761	33.916.279.160
Doanh thu nước đóng chai	2.318.320.008	542.978.180
Doanh thu xây lắp	2.209.248.002	881.884.037
Doanh thu dịch vụ thu gom rác	14.406.507.634	3.607.722.227
Doanh thu dịch vụ khác	2.419.818.403	1.379.943.921
<b>b. Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>15.018.006</b>	<b>17.050.495.455</b>
Công ty TNHH Nước Đồng Bình	15.018.006	17.050.495.455

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 26/04/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Giá vốn của bán hàng hóa	1.110.740.726	301.455.164
Giá vốn cung cấp nước sinh hoạt	56.229.410.668	18.627.370.833
Giá vốn nước đóng chai	1.465.559.746	426.315.585
Giá vốn xây lắp	1.922.634.240	396.797.949
Giá vốn dịch vụ thu gom rác	21.235.650.898	5.770.875.724
Giá vốn dịch vụ khác	2.123.762.374	1.189.883.222
<b>Cộng</b>	<b><u>84.087.758.652</u></b>	<b><u>26.712.698.477</u></b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 26/04/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	59.946.170	15.221.702
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>59.946.170</u></b>	<b><u>35.221.702</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**30. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty</u>	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 26/04/2017 đến 30/06/2017 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	703.502.796	244.672.000
Thù lao của Ban Kiểm soát	323.368.531	113.936.000
<b>Cộng</b>	<b>1.026.871.327</b>	<b>358.608.000</b>
<u>Giao dịch với các bên liên quan</u>	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 26/04/2017 đến 30/06/2017 VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>15.018.006</b>	<b>17.050.495.455</b>
Công ty TNHH Nước Đông Bình	15.018.006	17.050.495.455
<b>Mua hàng và dịch vụ</b>	<b>3.989.337.574</b>	<b>1.275.304.800</b>
Công ty TNHH Nước Đông Bình	3.989.337.574	1.275.304.800
<b>Cổ tức đã thu</b>	<b>-</b>	<b>20.000.000</b>
Công ty TNHH Nước Đông Bình	-	20.000.000
<u>Số dư với các bên liên quan</u>	Tại 30/06/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
<b>Phải trả người bán</b>	<b>795.891.902</b>	<b>1.061.308.917</b>
Công ty TNHH Nước Đông Bình	795.891.902	1.061.308.917

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

	<b>Tại 30/06/2018</b>	<b>Tại 01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.358.344.733	60.631.276.375
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.324.952.152	17.647.823.101
<b>Cộng</b>	<b>72.683.296.885</b>	<b>78.279.099.476</b>
	<b>Tại 30/06/2018</b>	<b>Tại 01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	176.462.763.055	181.898.442.525
Phải trả người bán và phải trả khác	59.214.454.545	209.039.232.717
Chi phí phải trả	2.769.441.562	3.224.686.086
<b>Cộng</b>	<b>238.446.659.162</b>	<b>394.162.361.328</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>(165.763.362.277)</b>	<b>(315.883.261.852)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**TÀI SẢN ĐẢM BẢO**

*Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Trong kỳ, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

*Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác*

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30/06/2018.

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty có thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Rủi ro về giá*

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 30/06/2018</b>				
Vay và nợ	27.790.383.568	148.672.379.487	-	176.462.763.055
Phải trả người bán và phải trả khác	59.214.454.545	-	-	59.214.454.545
Chi phí phải trả	2.769.441.562	-	-	2.769.441.562
<b>Cộng</b>	<b>89.774.279.675</b>	<b>148.672.379.487</b>	<b>-</b>	<b>238.446.659.162</b>
<b>Tại 01/01/2018</b>				
Vay và nợ	29.977.128.288	151.921.314.237	-	181.898.442.525
Phải trả người bán và phải trả khác	209.039.232.717	-	-	209.039.232.717
Chi phí phải trả	3.224.686.086	-	-	3.224.686.086
<b>Cộng</b>	<b>242.241.047.091</b>	<b>151.921.314.237</b>	<b>-</b>	<b>394.162.361.328</b>

Các khoản công nợ tài chính trên không bao gồm các khoản phải trả Nhà nước bằng các công trình hệ thống cấp, thoát nước và xử lý rác mà Công ty đang theo dõi được đầu tư bằng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước và nguồn vốn ODA.

Công ty quản lý rủi ro bằng các công cụ là tài sản tài chính hiện tại, cũng như dòng tiền hình thành trong tương lai. Với việc thực hiện kế hoạch kinh doanh như hiện tại Công ty có đủ cơ sở thực hiện kế hoạch tài chính đã đề ra.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 30/06/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.358.344.733	-	-	61.358.344.733
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.324.952.152	-	-	11.324.952.152
<b>Cộng</b>	<b>72.683.296.885</b>	-	-	<b>72.683.296.885</b>
<b>Tại 01/01/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.631.276.375	-	-	60.631.276.375
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.647.823.101	-	-	17.647.823.101
<b>Cộng</b>	<b>78.279.099.476</b>	-	-	<b>78.279.099.476</b>

**32. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**32.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT**

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Hợp đồng thuê đất số 20/HĐTD ngày 24/06/2009 giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích là 2.545 m<sup>2</sup> và đơn giá thuê đất là 2.438 đồng/m<sup>2</sup>/năm (ổn định trong vòng 05 năm). Tại ngày 11/09/2017, Công ty Cổ Phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận số CT06226 với tổng diện tích là 1.905,6 m<sup>2</sup>.

- Hợp đồng thuê đất số 32/HĐTD ngày 30/05/2008 giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích là 826,5 m<sup>2</sup> và đơn giá thuê đất là 308 đồng/m<sup>2</sup>/năm (ổn định trong vòng 05 năm).

- Hợp đồng thuê đất số 35/HĐTD ngày 25/12/2009 Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích là 6.837,1 m<sup>2</sup> và đơn giá thuê đất là 539 đồng/m<sup>2</sup>/năm (ổn định trong vòng 05 năm).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**32. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**32.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT (TIẾP)**

Công ty được miễn tiền thuê đất hàng năm theo Điều 1, Nghị định 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 sửa đổi, bổ sung Nghị định 117/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

Ngoài ra, Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**32.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 07/06/2018, Thanh tra Tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Quyết định số 480/QĐ-TTr về việc thanh tra việc thực hiện cổ phần hóa từ năm 2015 đến năm 2017 tại Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty chưa nhận được kết luận thanh tra. Theo đó, Công ty chưa xác định được những điều chỉnh (nếu có) trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Ngoài ra, không phát sinh bất kỳ sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**32.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Tại ngày 30/06/2018, khoản nợ ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán (sau khi trừ các khoản phải trả bằng dự án và tài sản dài hạn khác) đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 6.580.022.765 đồng. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Theo đó, Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 vẫn được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

**33. THÔNG TIN KHÁC**

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/06/2018 đã thông qua việc thoái vốn Nhà nước tại Công ty với tỷ lệ Nhà nước nắm giữ tại Công ty sau khi thực hiện thoái vốn là 51%. Thời gian thực hiện thoái vốn theo quyết định của Chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty.

Ngoài ra, theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ, Công ty sẽ thực hiện phát hành thêm 15.000.000 cổ phiếu, tương đương 150.000.000.000 đồng. Cổ đông sở hữu 1 cổ phần sẽ được nhận thêm 1 quyền mua và cứ 100 quyền mua sẽ được mua thêm 57,87 cổ phiếu phát hành thêm. Tổng số lượng cổ phiếu sau khi phát hành là 40.918.130 cổ phiếu, số vốn góp của chủ sở hữu tăng lên 409.181.300.000 đồng. Nguồn vốn tăng thêm để bổ sung vốn đầu tư các trạm cấp nước trên địa bàn Tỉnh Đồng Tháp.

Hội đồng Quản trị được ủy quyền lựa chọn thời điểm phát hành nhưng phải hoàn thành trước thời điểm Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp thực hiện thoái vốn nhà nước tại Công ty về 51%.